

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163 /2017/HSST
Ngày 28 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn
2. Bà Nguyễn Thị Biên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tổng Lan Hương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Thân Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 174/2017/HSST ngày 10/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; tên gọi khác: C; nơi ĐKKHKT : thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 3/12; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại bản án số 152/HSST ngày 28/6/2001, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp 3.500.000đồng. Tại bản án số 224/HSST ngày 14/8/2002, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp 2000.000đồng. Tại bản án số 278/2006/HSST ngày 16/8/2006, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp 550.000đồng. Tại bản án số 202/2008/HSST ngày 04/12/2008, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp 1.353.000đồng. Tại bản án số 12/2012/HSST ngày 16/01/2012, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp 2.750.000đồng. Tại bản án số 96/2015/HSST ngày 02/6/2015, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp 200.000đồng. Tại bản án số

208/2016/HSST ngày 23/12/2016, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trị giá tài sản trộm cắp 450.000đồng; nhân thân: Ngày 11/8/1989, Chủ tịch UBND thành phố B quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng. Tại bản án số 342 ngày 10/10/2000, Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Người bị hại:**

Chị Tổng Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn H, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị VKSND thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Rạng sáng ngày 09/9/2017, Nguyễn Văn T sinh năm 1981 trú tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang đi bộ lang thang trên địa bàn thành phố B mục đích xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày 09/9/2017, khi đi đến khu vực kho rác của Công ty cổ phần quản lý công T đô thị thành phố B thuộc địa bàn phường P, thành phố B, T nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH kiểu dáng Wave, màu sơn xanh biển kiểm soát 98H8- 3419 của bà Tổng Thị H sinh năm 1974, trú tại Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là công nhân Công ty cổ phần quản lý công T đô thị thành phố B dựng ở đó không có người trông coi. Sau khi quan sát xung quanh, T lén lút đi đến dùng chìa khoá đem theo từ trước, mở khoá điện nổ máy đi về hướng ngã tư đường X và đường V. Đúng lúc này, anh Trịnh Văn H sinh năm 1972 trú tại số nhà Z, đường M, phường P, thành phố B là Bảo vệ thuộc Đội an ninh trật tự của phường P phát hiện đuổi theo hô hoán. Thấy vậy, T tăng ga bỏ chạy. Trong khi bỏ chạy đến đoạn đường trước cổng trụ sở Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang thì T điều khiển xe loạng choạng và tự ngã xuống đường. Công an phường P đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 98H8- 3419 và 01 chùm chìa khoá gồm 02 chiếc chìa khoá đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 104/KL - HĐĐG ngày 11/9/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH (kiểu dáng Wave), màu sơn xanh, biển kiểm soát 98H8- 3419, số máy 004488, số khung 004488, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 800.000 đồng.

Quá T điều tra đã xác định chiếc xe mô tô 98H8- 3419 là do chị H mượn của anh Nguyễn Văn T sinh năm 1974 trú tại thôn P, xã S, thành phố B. Ngày

12/10/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T chiếc xe trên. Đến nay anh T, chị H không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 175/KSĐT ngày 09/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là đúng, không oan. Nay bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Người bị hại là chị Tống Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ngày 09/9/2017 chị bị bị cáo T trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu DETECH BKS 98 H8-3419 màu sơn xanh, xe bị mất yếm hai bên. Nguồn gốc chiếc xe do chị mượn của anh Nguyễn Văn T là người cùng thôn. Nay chiếc xe đã được thu hồi nên chị đề nghị trả lại cho anh T, chị không đề nghị bồi thường về dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Ngày 09/9/2017, anh T cho chị Tống Thị H là người cùng thôn mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH BKS 98 H8-3419 màu sơn xanh, xe bị mất yếm hai bên làm phương tiện đi làm sau đó đã bị bị cáo chiếm đoạt. Ngày 12/10/2017, anh T đã được nhận lại chiếc xe trên, anh T không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS để xử phạt: Nguyễn Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/9/2017.

Đề nghị áp dụng Điều 41 BLHS; khoản 2 Điều 76, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chum chìa khóa gồm 2 chiếc đã qua sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là thành khẩn, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa

có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 09/9/2017, tại khu vực kho rác của Công ty cổ phần quản lý công T đô thị thành phố B, thuộc địa bàn phường P, thành phố B, bị cáo T đã có hành lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH biển kiểm soát 98H8- 3419 trị giá 800.000 đồng của chị Tổng Thị H. Trị giá tài sản trộm cắp dưới hai triệu đồng nhưng do bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng chưa được xóa án tích nay lại vi phạm nên những lần phạm tội trước của bị cáo xác định tiền án là tình tiết định tội, do vậy hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của bị cáo nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh, điều khoản trên là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mang đi bán lấy tiền ăn tiêu. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của chị H, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm dân sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Quá T điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử, bị xử lý hành chính nhưng không tu dưỡng, sửa đổi nay lại phạm tội do cố ý. Do vậy để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung, giáo dục bị cáo nói riêng cần thiết áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, nay không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét.

Đối với 01chùm chìa khóa gồm 02 chiếc đã qua sử dụng là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/9/2017.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chùm chìa khóa gồm 02 chiếc đã qua sử dụng

Áp dụng Điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp B.
- Công an Tp B.
- CCTHADS Tp B.
- Bị cáo.
- Lưu Hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

